Dhammapada Sutta (16)

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

Dhp_ev 10

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Dhammapada Sutta

(Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth

English translation

by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna

Sydney, Australia, 1993 Kinh Pháp Cú

Vietnamese translation

by Bhikkhu Thích Minh Châu

Sài Gòn, Việt Nam, 1996

X- Dandavagga

Punishment Phẩm Hình Phạt

129. All tremble at force,

of death are all afraid.

Likening others to oneself

kill not nor cause to kill. 129. Mọi người sợ hình phạt,

Mọi người sợ tử vong.

Lấy mình làm ví dụ

Không giết, không bảo giết.

130. All tremble at force,

dear is life to all.

Likening others to oneself

kill not nor cause to kill. 130. Mọi người sợ hình phạt,

Mọi người thương sống còn;

Lấy mình làm ví dụ,

Không giết, không bảo giết.

131. Whoever harms with force

those desiring happiness,
as seeker after happiness
one gains no future joy. 131. Chúng sanh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.
132. Whoever doesn't harm with force
those desiring happiness,
as seeker after happiness
one then gains future joy. 132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau hưởng được lạc.
133. Speak not harshly to other folk,
speaking so, they may retort.
Dukkha indeed is quarrelsome speech
and force for force may hurt you. 133. Chớ nói lời ác độc,
Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phẩn nộ,
Đao trượng phản chạm người.
134. If like a broken gong
never you reverberate,
quarreling's not part of you,
that Nibbana's reached. 134. Nếu tự mình yên lặng,
Như chiếc chuông bị bể.
Người đã chứng Niết Bàn
Người không còn phẩn nộ.
135. As with force the cowherds drive
their cattle out to graze,
like this decay and death drive out

the life from all beings. 135. Với gậy người chăn bò,
Lùa bò ra bãi cỏ;
Cũng vậy, già và chết,
Lùa người đến mạng chung.
136. When the fool does evil deeds
their end he does not know,
such kamma burns the one unwise
as one who's scorched by fire. 136. Người ngu làm điều ác,
Không ý thức việc làm.
Do tự nghiệp, người ngu
Bị nung nấu, như lửa.
137. Whoever forces the forceless
or offends the inoffensive,
speedily comes indeed
to one of these ten states: 137. Dùng trượng phạt không trượng
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ:
138. Sharp pain or deprivation,
or injury to the body,
or to a serious disease,
derangement of the mind; 138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,
Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm.
139. Troubled by the government,
or else false accusation,
or by loss of relatives,
destruction of one's wealth; 139. Hoặc tai vạ từ vua,
Hay bị vu trọng tội;

Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.
140. Or one's houses burn
on raging conflagration,
at the body's end, in hell
arises that unwise one. 140. Hoặc phòng ốc nhà cửa
Bị hỏa tai thiêu đốt;
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.
141. Not going naked, nor matted hair, nor filth,
nor fasting, not sleeping on bare earth,
no penance on heels, nor sweat nor grime
can purify a mortal still overcome by doubt. 141. Không phải sống lõa thể
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhớp, siêng ngồi xổm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.
142. Even though adorned, if living in peace
calm, tamed, established in the holy life,
for beings all laying force aside:
one pure, one peaceful, a bhikkhu is he. 142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh.
Vị ấy là phạm chí,
Hay sa môn, khất sĩ.
143. Where in the world is found
one restrained by shame,
awakened out of sleep

as splendid horse with whip? 143. Thật khó tìm ở đời,

Người biết thẹn, tự chế,

Biết tránh né chỉ trích

Như ngựa hiền tránh roi.

144. As splendid horse touched with whip,

be ardent, deeply moved,

by faith and virtue, effort too,

by meditation, Dhamma's search,

by knowledge, kindness, mindfulness;

abandon dukkha limitless! 144. Như ngựa hiền chạm roi,

Hãy nhiệt tâm, hăng hái,

Với tín, giới, tinh tấn,

Thiền định cùng trạch pháp.

Minh hạnh đủ, chánh niệm,

Đoạn khổ này vô lượng.

145. Irrigators govern water,

fletchers fashion shafts,

as joiners shape their timber

those of good conduct tame themselves. 145. Người trị thủy dẫn nước,

Kẻ làm tên nắn tên,

Người thợ mộc uốn ván,

Bậc tự điều, điều thân.

[Phẩm trước][Mục lục][Phẩm kế]

[Thư mục Việt ngữ] [BuddhaSasana Main Page]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.